

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Bảng Cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo Kết quả kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST (“Công ty”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Thông tin liên lạc

Địa chỉ trụ sở chính: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM
Địa chỉ địa điểm KD: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM
Điện thoại: (+84 8)9141889
Fax: (+84 8)9141890
Website: saigontourist-stt.com

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông RyoTaro Ohtake	Chủ tịch HĐQT	Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ông Kakazu Shogo	Phó chủ tịch HĐQT	Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ông Đinh Quang Phước Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm kỳ ngày 28/04/2015

Ban Giám đốc

Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 3 năm 2016

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám Tổng đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán được cập nhật, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phân ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc tiết kiệm chi phí đầu tư cũng như chi phí hoạt động kinh doanh và bảo vệ an toàn tài sản của Công ty, do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm tổn thất và thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh 3 tháng và lưu chuyển tiền tệ 3 tháng của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO - Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-3-2016	01-01-2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.158.365.399	23.850.491.940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.121.934.112	4.488.939.682
Tiền	111		1.711.934.112	988.939.682
Các khoản tương đương tiền	112		13.410.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.266.480.474	17.098.880.744
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	15.074.652.740	23.893.236.237
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.942.750.113	1.454.920.211
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.a	-	-
Các khoản phải thu khác	136	V.4a	24.020.767.323	21.622.413.998
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(29.771.689.702)	(29.871.689.702)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	308.549.091	334.247.236
Hàng tồn kho	141		532.775.653	558.473.798
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(224.226.562)	(224.226.562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.461.401.722	1.928.424.278
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.123.783.316	1.610.772.853
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	45.099.143	45.099.143
Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9a	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.216.503.635	26.458.910.016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.807.068.180	3.307.068.180
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.b	5.796.000.000	5.796.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2.807.068.180	3.307.068.180
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
II. Tài sản cố định	220		14.639.922.017	15.674.880.206
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	14.639.922.017	15.674.880.206
- Nguyên giá	222		44.524.781.306	44.524.781.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.884.859.289)	(28.849.901.100)
Tài sản cố định vô hình	227	V.	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-

IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		80.016.000	4.691.515.990
Đầu tư vào công ty con	251	V.c	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.d	80.016.000	4.691.515.990
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.689.497.438	2.785.445.640
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.119.395.694	1.215.343.896
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18a	1.570.101.744	1.570.101.744
Tài sản dài hạn khác	268	V.9b	-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.374.869.034	50.309.401.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-3-2016	01-01-2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.199.469.556	16.796.023.378
I. Nợ ngắn hạn	310		13.963.768.994	12.382.663.311
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	3.075.592.686	812.176.339
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	186.635.852	140.771.603
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1.546.136.910	1.694.319.750
Phải trả người lao động	314		1.502.099.603	1.971.615.606
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	527.171.108	586.331.713
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.a	82.429.253	72.324.706
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.030.370.080	6.821.790.092
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	13.333.502	283.333.502
II. Nợ dài hạn	330		4.235.700.562	4.413.360.067
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	1.498.654.212	1.608.313.717
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.350.046.350	1.345.046.350
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.175.399.477	33.513.378.578
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	31.175.399.477	33.513.378.578
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(48.824.600.523)	(46.486.621.422)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(46.486.621.422)	(26.365.657.125)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.337.979.101)	(20.120.964.297)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
E. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.374.869.033	50.309.401.956

(0)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2016

Người lập/Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN



Tổng Giám đốc

KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I '2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	10.574.772.137	20.704.027.395
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	10.574.772.137	20.704.027.395
Giá vốn hàng bán	11	11.178.004.789	20.419.869.473
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(603.232.652)	284.157.922
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28.217.493	16.922.338
Chi phí tài chính	22	1.635.233	67.636.654
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.635.233	67.636.654
Chi phí bán hàng	24	344.810.857	98.122.670
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.664.605.845	2.160.709.130
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(2.586.067.094)	(2.025.388.194)
Thu nhập khác	31	249.578.235	1.817.284.394
Chi phí khác	32	1.490.242	3.060.311
Lợi nhuận khác	40	248.087.993	1.814.224.083
Phân lãi (lỗ) trong c.tv liên kết, liên doanh	45	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(2.337.979.101)	(211.164.111)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(2.337.979.101)	(211.164.111)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(2.337.979.101)	(211.164.111)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2.337.979.101)	(211.164.111)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(292)	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	-	(26)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc

Người lập/Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN



KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Lũy kế Quý I '2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý I '2016	Lũy kế Quý I '2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	6.291.494.440	(1.336.951.556)
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	(2.337.979.101)	(211.164.111)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	1.034.958.189	3.429.300.555
Các khoản dự phòng	(100.000.000)	
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá		
lợi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định		(1.691.513.934)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		
Chi phí lãi vay		16.922.338
Thu nhập lãi vay		
<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</i>	<i>(1.403.020.912)</i>	<i>1.543.544.848</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	6.412.433.289	(2.090.659.933)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	25.698.145	4.738.722
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	1.673.446.178	3.031.627.919
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(417.062.261)	(289.568.983)
Tiền lãi vay đã trả		(16.922.338)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.142.326.415
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.662.038.206)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	4.611.499.990	7.840.000.000
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.840.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.611.499.990	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(270.000.000)	(6.508.286.960)
Tiền trả nợ gốc vay	(270.000.000)	(6.508.286.960)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	10.632.994.430	(5.238.516)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4.488.939.682	3.668.628.174
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	15.121.934.112	3.663.389.658
	(0)	0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2016

Người lập/Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN



KAKAZU SHOGO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 2016

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST ("Công ty") là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Hoạt động chính của công ty là vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh du lịch lữ hành nội bộ, quốc tế; đại lý vé máy bay, giáo dục nghề nghiệp;

Công ty có trụ sở chính tại 25 Pasteur, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

Cấu trúc doanh nghiệp

Đanh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Stt	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Văn	100	100	Tầng 101, tòa nhà PSG SỞ 11BIS Nguyễn Gia Thiệu, P. 6, Q. 3, TP HCM	► Dịch vụ bảo vệ
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	100	100	Tầng 101, tòa nhà PSG SỞ 11BIS Nguyễn Gia Thiệu, P. 6, Q. 3, TP HCM	► Điều hành tour du lịch vận tải hành khách

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo tài chính (tỷ giá giao dịch tại Ngân hàng VCB- tỷ giá chuyển khoản/mua vào) :

- Tại ngày 01-01-2016: 22.450 VND/USD
- Tại ngày 31-3-2016: 22.255 VND/USD

3 . Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

4 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

6. Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

- Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của nguyên vật liệu xây dựng được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

8. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	25-50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	4 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11. Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được nhưng phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

15. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ

Liên quan đến hoạt động khách sạn, khu vui chơi giải trí, bệnh viện và các dịch vụ có liên quan khác, doanh thu được ghi nhận khi các dịch vụ được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

18. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

► Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

► Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19 - Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, trái phiếu và vay chuyển đổi, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư 210 hiện không đưa ra yêu cầu về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31-3-2016	01-01-2016
Tiền mặt	116.176.538	126.064.923
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.595.757.575	862.874.759
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	13.410.000.000	3.500.000.000
	<u>15.121.934.112</u>	<u>4.488.939.682</u>
	0	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31-3-2016		01-01-2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác	5.876.016.000	5.796.000.000	10.487.515.989	5.796.000.000
+ Công ty CP 6 tổ Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	5.796.000.000	5.796.000.000	5.796.000.000
+ Tập đoàn Radius	80.016.000		80.016.000	
+ Công Ty Cổ Phần Taxi Gas Sài Gòn Petrotrans			4.611.499.989	
Cộng:	<u>5.876.016.000</u>	<u>5.796.000.000</u>	<u>10.487.515.989</u>	<u>5.796.000.000</u>

2. Phải thu khách hàng

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31-3-2016	01-01-2016
Ông Hideo Tomiya	-	9.500.150.240
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9.612.787.236	9.612.787.236
Baghdad Sayed (Grand)	301.346.953	301.346.953
Công ty TNHH Điện lực BOT Phú Mỹ 3	1.301.910.600	1.207.435.450
Công ty Cổ phần VN Việt Nhật	301.346.953	301.346.953
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Thịnh	162.600.118	278.036.475
Cty CP Đầu tư TM Saigontourist	102.900.000	205.920.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	142.758.000	200.149.400
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	87.268.500	87.268.500
Phải thu từ khách hàng khác	3.394.660.880	2.198.795.030
	<u>15.487.639.240</u>	<u>23.893.236.237</u>

3. Trả trước cho người bán

	31-3-2016	01-01-2016
CTY TOYOTA HIROSHIMA	600.000.000	
CTY CP HÀNG KHÔNG JETSTAR PACIFIC AIRLINES	901.023.750	
CTY TNHH ĐIỆN VIỆT NHẬT	165.000.000	20.000.000
Trả trước người bán khác	276.726.363	1.434.920.211
	<u>1.942.750.113</u>	<u>1.454.920.211</u>

Phải thu về cho vay

	31-3-2016	01-01-2016
a) Ngân hàng		
Cho vay nội bộ		784.401.000
+ Cty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Văn bs VLD	-	-
	<u>-</u>	<u>784.401.000</u>

4. Phải thu khác

	31-3-2016	01-01-2016
a) Ngân hàng		
Cty TNHH S&S Thiệp VINH ĐÀ	-	100.000.000
CTY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ĐẤT VIỆT	14.031.134.549	13.246.733.549
CTY CP XNK VIỆT TIẾP	1.598.478.639	1.598.478.639
Công ty TNHH TM Du lịch Huyền Trang	3.231.040.000	3.231.040.000

CTY CP KD & PTN AN NGHIỆP PHÁT	2.162.225.940	2.162.225.940			
Tạm ứng cho CBNV	212.436.588	297.637.452			
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	36.250.000	25.000.000			
Phái thu khác	2.749.201.587	4.192.338.398			
	24.820.767.323	27.815.679.938			
b) Dài hạn					
Bao lãnh hợp đồng đại lý vé máy bay (VN Airlines)	500.000.000	500.000.000			
Công ty TNHH Máy Nam Phú	317.250.000	317.250.000			
Ký quỹ lễ hành quốc tế tại VCB	250.000.000	750.000.000			
CTY TNHH MTV MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ SÀI GÒN	423.196.380	423.196.380			
Ký quỹ xuất khẩu lao động tại Ngân hàng Techcombank	1.000.000.000	1.000.000.000			
Các khoản ký quỹ khác	316.621.800	316.621.800			
	2.897.068.180	3.307.068.180			
5 Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn:					
	31-3-2016	01-01-2016			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9.880.466.346	9.880.466.346			
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Dế Việt	13.246.733.549	13.246.733.549			
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển An Nghiệp Phát	2.162.225.940	2.162.225.940			
Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tập	1.598.478.659	1.598.478.659			
Công ty TNHH Sắt thép Vĩnh Đa	100.000.000	100.000.000			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Thịnh	182.600.118	182.600.118			
Công ty TNHH thương mại du lịch Huyền Trang	1.731.040.000	1.731.040.000			
Công ty Cổ phần Việt Nam Việt Nhật	278.036.475	278.036.475			
Các khách hàng khác	692.108.615	692.108.615			
	29.771.689.702	29.871.689.702			
6 Hàng tồn kho					
	31-3-2016		01-01-2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng đang đi trên đường					
Công cụ dụng cụ	23.974.953		23.483.953		
Nguyên liệu, vật liệu	4.931.237		3.581.149		
Nhiên liệu	15.126.258		19.026.378		
Hàng hóa	128.940.740	128.940.740	128.940.740	128.940.740	
Phụ tùng	359.802.465	95.285.822	383.441.578	95.285.822	
Công	532.775.653	224.226.562	558.473.798	224.226.562	
7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý-TS khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.339.428.880	298.535.136	42.640.465.816	246.351.474	44.524.781.306
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Trong đó					
Thanh lý,					
nhượng bán					
Số cuối kỳ	1.339.428.880	298.535.136	42.640.465.816	246.351.474	44.524.781.306
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.096.928.978	238.135.156	27.268.485.492	246.351.474	28.849.901.100
Đầu hao trong năm	2.141.754		1.032.816.435		1.034.958.189
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Trong đó					
Thanh lý,					
nhượng bán					
Số cuối kỳ	1.099.070.732	238.135.156	28.301.301.927	246.351.474	29.884.859.289
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	242.499.902	60.399.980	15.371.980.324	-	15.674.880.206
- Tại ngày cuối kỳ	240.358.148	60.399.980	14.339.163.889	-	14.639.922.017
8 Chi phí trả trước					
	31-3-2016		01-01-2016		

a) Ngắn hạn				
Chi phí phân bổ của trung tâm taxi			1.253.698.521	1.035.362.080
Chi phí phân bổ của trung tâm đào tạo			174.115.784	
Chi phí phân bổ của BP cho thuê xe			5.088.649	240.225
Chi nhĩ trả trước ngắn hạn khác			254.973.690	575.170.548
Cộng			1.687.876.644	1.610.772.853
b) Dài hạn				
CP sửa chữa công trình 93/1017 Lê Đức Thọ			1.119.395.694	1.215.343.896
Cộng			1.119.395.694	1.215.343.896
10. Vay và nợ thuê tài chính				
	31-3-2016	Trong năm		01-01-2016
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Ông Võ Văn Ba			(165.000.000)	165.000.000
Bà Huỳnh Thanh	13.333.502		(105.000.000)	118.333.502
Diễm Trang				
Cộng	13.333.502		(270.000.000)	283.333.502
12. Phải trả người bán			31-3-2016	01-01-2016
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn			3.075.592.686	812.176.339
13. Người mua trả tiền trước			31-3-2016	01-01-2016
			116.907.317	65.571.280
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :				
	31-3-2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2016
a) Phải nộp				
<i>Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	97.283.556	231.792.330	286.428.410	151.919.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	433.176.482			433.176.482
Tiền thuế đất	409.401.000	409.401.000		-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.962.778	44.379.625	39.362.126	21.945.279
	968.823.816	689.572.955	329.790.536	609.041.397
<i>Công ty TNHH MTV TM Du lịch Sài Gòn Tourist</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	52.908.700	52.908.700	32.941.719	32.941.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.409.727)			(20.409.727)
Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	683.082	683.082	1.389.054	1.389.054
<i>Công ty TNHH MTV Du lịch Bảo vệ Long Văn</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	473.319.469	224.075.980	825.283.186	1.074.526.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(219.200.836)			(219.200.836)
Thuế môn bài	-	1.500.000	1.500.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	921.737	2.028.489	4.247.154	3.140.402
b) Phải thu				
<i>Công ty TNHH MTV TM Du lịch Sài Gòn Tourist</i>				
Thuế GTGT hàng nội địa	45.099.143			45.099.143
	45.099.143			45.099.143
15. Chi nhĩ phải trả			31-3-2016	01-01-2016
a) Ngắn hạn				
Chi phí của Trung tâm dạy nghề bán công			193.640.568	116.915.568
Chi phí của Trung tâm vận chuyển xe du lịch			155.802.911	9.799.790

Trích trước chi phí tư vấn, kiểm toán	30.000.000	85.000.000						
Trích trước các khoản chi phí khác	147.727.629	374.616.355						
Cộng	527.171.108	586.331.713						
16. Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-						
	31-3-2016	01-01-2016						
a) Ngắn hạn								
Kinh phí công đoàn	804.907.400	814.730.962						
Đào hiểm xã hội	109.584.835	36.928.445						
Bảo hiểm y tế	16.380.540	8.156.110						
Bảo hiểm thất nghiệp	10.475.200	2.842.495						
Thù lao Hội đồng quản trị	210.284.788	210.284.788						
Cò tác, lợi nhuận phải trả	2.306.235.215	2.306.235.215						
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.572.502.102	3.480.539.127						
Cộng	7.030.370.080	6.869.717.142						
b) Dài hạn								
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.345.046.350	1.345.046.350						
Cộng	1.345.046.350	1.345.046.350						
17. Dự phòng phải trả	31-3-2016	01-01-2016						
b) Dài hạn								
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.498.654.212	1.345.046.350						
Cộng	1.498.654.212	1.345.046.350						
18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả								
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31-3-2016	01-01-2016						
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%						
Tài sản thuế TN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.570.101.744	1.570.101.744						
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.570.101.744	1.570.101.744						
19. Vốn chủ sở hữu								
Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu								
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Các quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	TỔNG
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000					(26.365.697.125)		53.634.342.875
Lãi/Lỗ trong năm trước						(21.120.964.297)		(20.120.964.297)
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	-	-	-	-	(46.486.621.422)		33.513.378.578
Tăng vốn trong năm nay								-
Lãi/Lỗ trong năm nay						(2.337.979.101)		(2.337.979.101)
Giảm khác								-
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	-	-	-	-	(48.824.600.523)		31.175.399.477

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi	4.860.453.111	5.515.197.178
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe	701.620.000	1.034.472.273
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe	1.360.068.184	1.727.284.156
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay	594.064.000	1.122.070.840
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bảo vệ	2.154.201.400	3.505.529.742
- Doanh thu từ các dịch vụ của Cty TDS	904.365.442	7.799.473.206
	10.574.772.137	20.704.027.395

Doanh thu Quý 1 năm nay giảm hơn so với cùng kỳ năm 2016, do số lượng xe giảm, hoạt động đào tạo lái xe tạm ngưng trong Quý 3/2015 và bắt đầu hoạt động lại trong tháng 3/2016, doanh thu từ dịch vụ của các công ty con thấp hơn so cùng kỳ năm 2015 do đang trong quá trình tái cơ cấu lại hoạt động.

2. Giá vốn bán hàng

	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
- Giá vốn của dịch vụ taxi	5.503.870.071	5.173.052.429
- Giá vốn của dịch vụ đào tạo lái xe	826.379.487	1.269.619.784
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	1.333.476.482	1.648.441.478
- Giá vốn của dịch vụ và bán vé máy bay	592.939.000	1.521.705.740
- Giá vốn của các dịch vụ lữ hành	947.326.459	7.830.991.086
- Giá vốn của các dịch vụ bảo vệ	1.974.013.290	2.976.058.956
Cộng	11.178.004.789	20.419.869.473

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	28.217.493	16.922.338
Cộng	28.217.493	16.922.338

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
Chi phí lãi vay	1.635.233	57.670.654
Chi phí tài chính khác		9.966.000
Cộng	1.635.233	67.636.654

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
Chi phí cho nhân viên	300.828.581	12.091.000
Chi phí khác bằng tiền	43.982.276	86.031.670
Cộng	344.810.857	98.122.670

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
Chi phí cho nhân viên	1.064.294.251	1.445.458.435
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	17.200.003	18.484.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.861.769	48.920.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.432.333	464.724.880
Chi phí khác bằng tiền	347.817.489	183.120.980
Cộng	1.664.605.845	2.160.709.130

Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 1/2016 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2015 do công ty cắt giảm chi phí cũng như sắp xếp lại nhân sự dư thừa

7. Thu nhập khác

	Lũy kế 3 tháng năm 2016	Lũy kế 3 tháng năm 2015
Lãi từ thành lý nhượng bán TSCĐ (bán 20 xe taxi)		1.691.513.934
Thu nhập khác	249.578.235	99.722.664
Cộng	249.578.235	1.791.236.598

8. Chi phí khác

	<u>Lũy kế 3 tháng năm</u>	<u>Lũy kế 3 tháng năm 2015</u>
Chi phí khác	1.490.242	3.060.311
Cộng	<u>1.490.242</u>	<u>3.060.311</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<u>Lũy kế 3 tháng năm</u> <u>2016</u>	<u>Lũy kế 3 tháng năm 2015</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(2.337.979.101)	(211.164.111)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.337.979.101)	(211.164.111)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(292)</u>	<u>(26)</u>

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ Quý 1/2016 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2015, do Quý 1/2015 có khoản thu nhập gần 1,7 tỷ từ việc thanh lý 20 xe taxi

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam – CN TP.HCM. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập/Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO